

Số: 17/BC-STP

Đắk Nông, ngày 22 tháng 01 năm 2021

BÁO CÁO

Kết quả rà soát một số quy định liên quan đến việc đăng ký danh mục xây dựng Nghị quyết trình Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông năm 2021

Thực hiện chỉ đạo của UBND tỉnh Đắk Nông tại Công văn số 219/UBND-KTTH ngày 13/01/2021 về việc rút kinh nghiệm kỳ họp thứ 11 của HĐND tỉnh; đăng ký nội dung trình các kỳ họp HĐND tỉnh năm 2021;

Trên cơ sở nội dung đăng ký danh mục xây dựng Nghị quyết trình HĐND tỉnh năm 2021 của các Sở, ban, ngành (UBND các huyện, thành phố không đăng ký); Sở Tư pháp đã phân loại, tổng hợp, rà soát và lập Danh mục Nghị quyết của HĐND tỉnh đăng ký ban hành trong năm 2021; cụ thể như sau:

1. Các Nghị quyết do các Sở, ngành đăng ký

Các Sở ngành đã đề xuất đăng ký **28** Nghị quyết. Sở Tư pháp đã xác định và phân loại gồm **20** nghị quyết quy phạm pháp luật và **08** nghị quyết cá biệt. Trong đó, có **05/20** nghị quyết quy phạm pháp luật Sở Tư pháp đề nghị chưa đăng ký với Thường trực HĐND tỉnh và **01/20** nghị quyết Sở Tư pháp đề xuất không cần xây dựng Nghị quyết (*lý do được Sở Tư pháp nêu cụ thể tại Danh mục 01 – phần chữ nghiêng màu đỏ*). Ngoài ra, đối với **02** Nghị quyết do Sở Giáo dục và Đào tạo đăng ký, Sở Tư pháp có ý kiến cụ thể như sau:

1.1. Đối với Nghị quyết quy định chế độ chính sách, hỗ trợ trẻ em, giáo viên mầm non và cơ sở giáo dục Mầm non ngoài công lập trên địa bàn tỉnh Đắk Nông từ năm 2021-2025 (STT 6 Danh mục 01)

- Điều 5 Nghị định số 105/2020/NĐ-CP ngày 08/9/2020 của Chính phủ quy định chính sách phát triển giáo dục mầm non quy định:

“Điều 5. Chính sách đối với cơ sở giáo dục mầm non độc lập dân lập, tư thực ở địa bàn có khu công nghiệp, nơi có nhiều lao động

1. Đối tượng hưởng chính sách

Cơ sở giáo dục mầm non độc lập ở địa bàn có khu công nghiệp thuộc loại hình dân lập, tư thực đã được cấp có thẩm quyền cấp phép thành lập theo đúng quy định có từ 30% trẻ em là con công nhân, người lao động làm việc tại khu công nghiệp.

2. Nội dung chính sách

Đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này được hỗ trợ trang bị cơ sở vật chất 01 lần, bao gồm: trang bị đồ dùng, đồ chơi, thiết bị dạy học theo danh mục quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và hỗ trợ kinh phí sửa chữa cơ sở vật chất

để phục vụ trực tiếp cho việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ em. Mức hỗ trợ tối thiểu là 20 (hai mươi) triệu đồng/cơ sở giáo dục mầm non độc lập.

3. Phương thức thực hiện

Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều này, căn cứ khả năng ngân sách địa phương và số lượng cơ sở giáo dục mầm non độc lập trên địa bàn thuộc diện được hỗ trợ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xây dựng kế hoạch, phương án hỗ trợ, phương án kiểm tra việc hỗ trợ và sử dụng kinh phí cho các cơ sở giáo dục mầm non độc lập trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh phê duyệt để tổ chức thực hiện, bảo đảm việc hỗ trợ cho các cơ sở giáo dục mầm non độc lập hoàn thành trước ngày 30 tháng 6 hằng năm.”;

- Điều 8 Nghị định số 105/2020/NĐ-CP quy định:

“Điều 8. Chính sách trợ cấp đối với trẻ em mầm non là con công nhân, người lao động làm việc tại khu công nghiệp

1. Đối tượng hưởng chính sách

Trẻ em đang học tại các cơ sở giáo dục mầm non thuộc loại hình dân lập, tư thục đã được cơ quan có thẩm quyền cấp phép thành lập và hoạt động theo đúng quy định có cha hoặc mẹ hoặc người chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ em là công nhân, người lao động đang làm việc tại các khu công nghiệp được doanh nghiệp ký hợp đồng lao động theo quy định.

2. Nội dung chính sách

Trẻ em thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này được **hỗ trợ tối thiểu 160.000 đồng/trẻ/tháng**. Thời gian hỗ trợ tính theo số tháng học thực tế, nhưng không quá 9 tháng/năm học.

Mức hỗ trợ do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xây dựng phù hợp với khả năng ngân sách của địa phương, trình Hội đồng nhân dân cùng cấp xem xét, quyết định.”;

- Khoản 2 Điều 10 Nghị định số 105/2020/NĐ-CP quy định:

“Điều 10. Chính sách đối với giáo viên mầm non làm việc tại cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục ở địa bàn có khu công nghiệp

...2. Nội dung chính sách

Giáo viên mầm non bảo đảm các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này được **hỗ trợ tối thiểu 800.000 đồng/tháng** (tám trăm ngàn đồng một tháng).

Số lượng giáo viên trong cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục được hưởng hỗ trợ được tính theo định mức quy định đối với các cơ sở giáo dục mầm non công lập hiện hành.

Thời gian hưởng hỗ trợ tính theo số tháng dạy thực tế trong năm học. Mức hỗ trợ này nằm ngoài mức lương thỏa thuận giữa chủ cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục với giáo viên và không dùng tính đóng hưởng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp.

Mức hỗ trợ do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xây dựng phù hợp với khả năng ngân sách của địa phương, trình Hội đồng nhân dân cùng cấp xem xét, quyết định.”.

Theo các quy định nêu trên, văn bản Trung ương (Điều 8 và Khoản 2 Điều 10 Nghị định số 105/2020/NĐ-CP) giao địa phương quy định chi tiết (*ban hành Nghị quyết quy phạm pháp luật*) mức hỗ trợ đối với trẻ em mầm non là con công nhân, người lao động làm việc tại khu công nghiệp và giáo viên mầm non làm việc tại cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục ở địa bàn có khu công nghiệp; còn chính sách đối với cơ sở giáo dục mầm non ngoài công lập ở địa bàn có khu công nghiệp, nơi có nhiều lao động (Điều 5 Nghị định số 105/2020/NĐ-CP) thì đã được Trung ương quy định (không giao địa phương quy định chi tiết) và chỉ giao UBND tỉnh xây dựng kế hoạch, phương án hỗ trợ, phương án kiểm tra việc hỗ trợ và sử dụng kinh phí cho các cơ sở giáo dục mầm non độc lập trình HĐND tỉnh phê duyệt để tổ chức thực hiện hàng năm (*không cần ban hành Nghị quyết quy phạm pháp luật*).

Như vậy, trong trường hợp này cần tách ra 02 Nghị quyết với 2 nội dung khác nhau như đã phân tích trên. Trong đó đối với nội dung triển khai thực hiện Điều 5 Nghị định số 105/2020/NĐ-CP (*xây dựng kế hoạch, phương án hỗ trợ, phương án kiểm tra việc hỗ trợ và sử dụng kinh phí cho các cơ sở giáo dục mầm non độc lập trình HĐND tỉnh phê duyệt*), Sở Giáo dục và Đào tạo cần điều tra, khảo sát đối tượng trên địa bàn tỉnh trước, từ đó mới có cơ sở để tham mưu UBND tỉnh xem xét, quyết định trình HĐND phê duyệt (*Nghị quyết cá biệt hàng năm*). Còn trong trường hợp dự kiến xây dựng Nghị quyết theo hướng mở rộng đối tượng áp dụng hoặc bổ sung thêm chế độ so với quy định của Trung ương (*chính sách đặc thù của địa phương*) thì cần thực hiện theo quy trình (từ Điều 112 đến Điều 115) để UBND tỉnh xem xét, quyết định theo Điều 116 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2020).

Do đó, Sở Tư pháp đề nghị chưa đăng ký xây dựng Nghị quyết này.

1.2. Đối với Nghị quyết quy định mức thu các khoản dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục trong nhà trường đối với cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Đắk Nông từ năm học 2021-2022 đến năm học 2024-2025 (STT 20 Danh mục 01)

- Điểm b, c khoản 6 Điều 99 Luật Giáo dục năm 2019 quy định:

“6. Cơ chế thu và quản lý học phí, các khoản thu dịch vụ trong hoạt động giáo dục được quy định như sau:

...b) Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định khung học phí hoặc mức học phí cụ thể, các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của nhà trường đối với cơ sở giáo dục công lập theo thẩm quyền quản lý nhà nước về giáo dục trên cơ sở đề nghị của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

c) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định **cơ chế thu và sử dụng mức thu dịch vụ tuyển sinh các cấp học do địa phương quản lý sau khi được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh thông qua;**”;

- Khoản 3 Điều 6 Nghị định số 105/2020/NĐ-CP quy định:

“3. Cơ sở giáo dục mầm non công lập được thực hiện một số dịch vụ sự nghiệp công không sử dụng ngân sách nhà nước bao gồm: dịch vụ bán trú, dịch vụ giáo dục mầm non ngoài giờ, dịch vụ đưa đón trẻ.

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương, xây dựng **danh mục dịch vụ, định mức kinh tế - kỹ thuật, quy định khung giá và mức giá dịch vụ cụ thể trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định, làm cơ sở triển khai thực hiện.**”.

Theo đó, tại địa phương, HĐND tỉnh phải ban hành văn bản đề:

- Quyết định khung học phí hoặc mức học phí cụ thể đối với cơ sở giáo dục công lập;
- Quyết định các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của nhà trường đối với cơ sở giáo dục công lập;
- Thông qua cơ chế thu và sử dụng mức thu dịch vụ tuyển sinh các cấp học;
- Danh mục dịch vụ sự nghiệp công không sử dụng ngân sách nhà nước mà cơ sở giáo dục mầm non công lập được thực hiện; định mức kinh tế - kỹ thuật, quy định khung giá và mức giá dịch vụ cụ thể.

Do đó, Sở Tư pháp đề nghị chưa đăng ký Nghị quyết này, giao Sở Giáo dục và Đào tạo căn cứ các quy định nêu trên, xác định rõ phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng của các quy định được giao nêu trên để đề xuất xây dựng nội dung Nghị quyết cho phù hợp (có thể đăng ký các nội dung tương đồng nhau để xây dựng chung trong 01 Nghị quyết của HĐND tỉnh).

2. Các Nghị quyết do Sở Tư pháp đề xuất

Trong quá trình thực hiện việc cập nhật, triển khai văn bản Trung ương trong năm 2019 và 2020, Sở Tư pháp đã tổng hợp các nội dung phải thể chế hóa bằng Nghị quyết quy phạm pháp luật của HĐND tỉnh tại địa phương (*cụ thể tại Danh mục 03*). Đề nghị các Sở, Ngành liên quan nghiên cứu, tham mưu đăng ký xây dựng Nghị quyết để bảo đảm kịp thời triển khai quy định của Trung ương tại địa phương.

Ngoài ra, đề nghị UBND tỉnh tiếp tục chỉ đạo các Sở, ngành rà soát các nội dung liên quan đến các Nghị quyết kéo dài thời hạn thực hiện đến hết năm 2021 để tiến hành tổng kết, tham mưu xây dựng nghị quyết mới đảm bảo chất lượng, tiến độ, trình tự, thủ tục theo quy định. Đồng thời, một số Sở ngành chưa đăng ký đối với các nghị quyết thường niên về: biên chế công chức; số người làm việc trong đơn vị sự nghiệp; danh mục dự án thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất năm 2022... Đề nghị UBND tỉnh tiếp tục chỉ đạo.

Vậy, Sở Tư pháp kính trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (b/c);
- VPUBND tỉnh (p/h);
- LĐ Sở (đ/c Hiệu);
- Lưu: VT, VBPPBPL (Nh).

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Trung Hiếu